

**TAND
Q. CR
TP. CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNST.

Ngày: 31.3.2021

Về: “*Không công nhận vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. CR**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Thành Hưng.**

Ông **Phạm Thanh Thanh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương** – Thư ký Tòa án nhân dân Q. CR, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Q. CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST- HN, ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “*Không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **TVH**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Xã CM, huyện CL, tỉnh HD.

Địa chỉ liên lạc: KDC MS, phường CM, thành phố CL, tỉnh HD. (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

Bị đơn: Bà **ĐCH**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số 208/6, khu vực YT, phường LB, quận CR, TP. CT. (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14/12/2020 và tại bản tự khai nguyên đơn - ông TVH trình bày và yêu cầu: Tôi và bà H tự nguyện chung sống vào năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm, không hợp tính tình nên không có sự thấu hiểu hay cảm thông cho nhau để chia sẻ với nhau. Đến nay thì cả hai vợ chồng đều không còn tình cảm nên thống nhất ly hôn và cả hai yêu cầu không công nhận vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 cháu là TĐTH, sinh ngày 11/11/2016. Nguyên đơn yêu cầu để bị đơn được nuôi con chung, không đặt vấn đề cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

*** Bị đơn trình bày và yêu cầu:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bị đơn đồng ý ly hôn với ông TVH và yêu cầu không công nhận vợ chồng do không có đăng ký kết hôn.

- *Về con chung*: Có 01 cháu là TĐTH, sinh ngày 11/11/2016. Bị đơn xin được nuôi con chung, không đặt vấn đề cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

Tuy các đương sự đã thống nhất và thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án nhưng do không có đăng ký kết hôn nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa: Ông H và bà H đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Từ khi công khai chứng cứ và hòa giải đến khi mở phiên tòa không có ai gửi văn bản thay đổi nên được xem là vẫn giữ nguyên ý kiến theo biên bản hòa giải ngày 15/3/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống từ năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều mong muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, TP.CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành công bố chứng cứ và hòa giải mới đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng vào khoảng năm 2015. Thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và đến nay cả hai đều nhận thấy đã không còn tình cảm vợ chồng nên cả hai đều muốn ly hôn. Tuy nhiên, do ông bà không có đăng ký kết hôn nên tại phiên tòa ông bà yêu cầu không công nhận là vợ chồng để chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này. Về con chung thì cả hai cũng thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn về việc giao cháu TĐTH (nữ), sinh ngày 11/11/2016 cho bà ĐCH được tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Cả hai khai không có tài sản chung và nợ chung.

[4] Xét thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 15/3/2021 nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau. Từ khi hòa giải đến nay vẫn không có bất cứ văn bản nào thay đổi ý kiến và cũng không có yêu cầu gì khác. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai vợ chồng đều muốn ly hôn. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng không có đăng ký kết hôn nên cả hai đều yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận ông TVH và bà ĐCH là vợ chồng.

[6] *Về con chung*: Có 01 cháu là TĐTH (nữ), sinh ngày 11/11/2016. Thống nhất giao cháu H cho bà ĐCH được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông TVH, không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[8] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 006648 ngày 08/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 267, 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 14, 15, 51, 53, 54, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận ông TVH và bà ĐCH là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Có 01 cháu là Trần Đoàn Tâm Hy (nữ), sinh ngày 11/11/2016. Thống nhất giao cháu H cho bà ĐCH được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông TVH, không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

4. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 006648 ngày 08/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- VKSND Q. CR;
- Chi cục THA Q. CR;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Kim Xuân